

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2018
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Anh Chung;

Ông Trần Như Học.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1981 (*có mặt*).

Bị đơn: Ông Trịnh Hoàng N, sinh năm 1978 (*vắng mặt*).

Cùng hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Cùng nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 02 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân: Bà Đ với ông N có thời gian tìm hiểu và chung sống vào năm 2003. Đến nay hôn nhân không đăng ký kết hôn.

Lý do ly hôn: Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến cuối năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông N thường xuyên đi chơi, không quan tâm chăm sóc vợ con, ông nhiều lần xúc phạm danh dự nhân phẩm bà Đ, gia đình và địa phương có hòa giải, hàn gắn hôn nhân nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà Đ yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Hoàng N.

Về nuôi con chung: Có hai người con tên Trịnh Như Q, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2004 (nữ) và Trịnh Trâm A, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2013 (nữ). Khi ly hôn, bà Đ yêu cầu nuôi hai con, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, bà Đ nộp Bản tự khai thể hiện về hôn nhân, chia tài sản chung và công nợ vẫn giữ nguyên quan điểm nêu trên; về nuôi con chung: Bà Đ yêu cầu nuôi hết hai người con, việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận.

** Tại Bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 20 tháng 3 năm 2018, bị đơn ông Trịnh Hoàng N trình bày:*

Về hôn nhân: Ông N đồng ý lời trình bày của bà Đ về thời điểm kết hôn, khi cưới nhau thì gia đình ông N có đến Ủy ban nhân dân xã Đ (hiện nay là xã L) xin tổ chức đám cưới gã nhưng ông N, bà Đ vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Quá trình chung sống vợ chồng có cự cãi nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình. Ông N thừa nhận do say rượu nên đôi lúc có xúc phạm danh dự bà Đ, nay ông N biết lỗi lầm mong bà Đ tha thứ, ông không đồng ý ly hôn vì còn thương bà.

Về con chung: Có hai người con tên Trịnh Như Q, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2004 (nữ) và Trịnh Trâm A, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2013 (nữ). Trường hợp ly hôn ông N yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà Đ nuôi con thì ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng, cấp hàng tháng.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Đ giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông N, chỉ yêu cầu nuôi một người con chung và tùy thuộc vào quyết định của Tòa án, người con

còn lại giao ông N có trách nhiệm nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu. Ông N vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

Bà Lê Thị Đ yêu cầu ly hôn đối với ông Trịnh Hoàng N và yêu cầu nuôi con, đây là các tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, do ông N có hộ khẩu thường trú tại Ấp X, xã L, huyện N (nơi cư trú hiện nay: Khóm 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau) nên theo quy định Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ông Trịnh Hoàng N có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N.

[2] Về nội dung vụ án

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Đ và ông Trịnh Hoàng N có thời gian tìm hiểu và chung sống vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới gả theo phong tục tập quán địa phương. Đến nay hôn nhân không lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Hai đương sự xác định cuối năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng là có xảy ra, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông N say rượu nên đôi lúc có xúc phạm danh dự nhân phẩm bà Đ, bà Đ xét thấy vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với ông Nghĩa. Ông N không đồng ý ly hôn với bà Đ vì còn thương bà và đã biết lỗi lầm mong được tha thứ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa hai đương sự là trầm trọng, mất khác từ khi chung sống đến nay, bà Đ và ông N không lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Đ và ông Trịnh Hoàng N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Hai đương sự xác định có hai người con chung;

Trịnh Như Quỳnh, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2004 (nữ);

Trịnh Trâm Anh, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2013 (nữ).

Khi ly hôn, bà Đ và ông N đều yêu cầu nuôi con và không yêu cầu người còn lại có Nvụ cấp dưỡng cho con, yêu cầu của các đương sự hoàn toàn chính

đáng, tuy nhiên Hội đồng xét xử phải cân nhắc giao con cho ai để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu Trịnh Như Q cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu (bút lục 17), giao cháu Trịnh Trâm A cho ông Trịnh Hoàng N trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, Nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Bà Đ và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự: *“Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Đ phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà Đ được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 207, 220, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đối với ông Trịnh Hoàng N; khoản 2 Điều 53, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Đ và ông Trịnh Hoàng N.

- Về nuôi con chung: Hai đương sự xác định có hai người con;

Giao cháu Trịnh Như Q, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2004 (nữ) cho bà Lê Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng; ông Trịnh Hoàng N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trịnh Trâm A, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2013 (nữ).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, Nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch, bà Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), bà Đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015800 ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền